

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIÊN LƯƠNG  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 227/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-12-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thành Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà

2. Ông Dương Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương.

- *Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Văn P – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lâm Thị Tú T**, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ H, ấp R, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Hoàng K**, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ H, ấp R, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 24/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị Tú T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị Tú T và anh Lê Hoàng K kết hôn từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Kiên

Giang. Thời gian đầu C và anh K chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian sau này, anh K không lo làm ăn cũng như không chăm lo cho vợ con dẫn đến giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa mà mỗi người tự chăm lo cuộc sống của riêng mình. Chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hòa hợp và hàn gắn được nên Chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Lê Hoàng K.

- Về con chung: chị T và anh K có 01 (một) con chung là Lê Ngọc Khả V sinh ngày 10/5/2016. Cháu V đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định chị và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Hoàng K trình bày:*

Anh Lê Hoàng K thống nhất với ý kiến của chị Lâm Thị Tú T về hôn nhân, con chung và tài sản chung. Anh cho rằng giữa anh và chị T nói chuyện không hợp nhau dẫn đến việc chị T bỏ đi làm hơn 01 năm nay; từ đó, mỗi người tự lo lấy cuộc sống riêng của mình, không quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy, anh K đồng ý ly hôn với chị T và giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh K không cấp dưỡng cho con và yêu cầu được quyền thăm con; đồng thời Anh cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Tại Phiếu lấy ý kiến con ngày 15/11/2024, cháu Lê Ngọc Khả V có nguyện vọng được ở với mẹ.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu như sau:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 19, 51, 56 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Tú T, cho chị Lâm Thị Tú T ly hôn với anh Lê Hoàng K.

- Về con chung: giao con chung là Lê Ngọc Khả V sinh ngày 10/5/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con. Chị T cùng gia đình không được cản trở việc thăm con chung của anh K.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị T phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Chị Lâm Thị Tú T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Hoàng K nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh Lê Hoàng K với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp R, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Chị Lâm Thị Tú T và anh Lê Hoàng K có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K kết hôn vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định, được Ủy ban xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 35/2016, ngày 05/7/2016. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị T cho rằng giữa chị và anh K có nhiều mâu thuẫn trong lúc còn sống chung, đến nay chị đã không còn tình cảm vợ chồng với anh K nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K; anh K cũng xác định anh và chị T không còn tình nghĩa vợ chồng và cả hai đã không sống chung hơn 01 năm nay. Từ đó cho thấy, giữa chị T và anh K không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình là không đảm bảo tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung: quá trình chung sống, chị T và anh K có 01 con chung là Lê Ngọc Khả V sinh ngày 10/5/2016. Cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn và anh K đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Việc chị T và anh K thống nhất về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về cấp dưỡng cho con: chị T là người được giao trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh K và chị T đều xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Tú T, cho chị Lâm Thị Tú T ly hôn với anh Lê Hoàng K.

2. Về con chung: giao con chung là Lê Ngọc Khả V sinh ngày 10/5/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng cho con. Sau khi ly hôn, anh K có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết việc chia tài sản khi ly hôn do anh K và chị T đều xác định là không tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009259 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Chị T không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- CCTHADS huyện Kiên Lương;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Bình Trị  
(để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thành Minh**